

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Doãn Đức – Cán bộ hưu trí

Bà Nguyễn Thị Nhạn – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Điều Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 471/2019/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Y V, sinh năm 1980.

Thường trú: 15/1A, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: số 42A, đường Dương Tử Giang, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trung D, sinh năm 1973.

Thường trú: 328 đường Phạm Văn Thuận, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: số 42A, đường Dương Tử Giang, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà V và ông D có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phan Thị Y V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông D kết hôn năm 1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân là tự nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tình cảm không còn, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thể, đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài nên bà V làm đơn xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 11/3/2001; Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 11/10/2002 và Nguyễn Ngọc Khánh C, sinh ngày 15/9/2011. Khi ly hôn, bà V xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu C, tạm thời không yêu cầu ông D cấp dưỡng. Cháu U đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai - Bị đơn ông Nguyễn Trung D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà V quen nhau, đăng ký kết hôn đúng như bà V trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tình cảm không còn, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thể. Tuy nhiên, ông D không đồng ý ly hôn vì ông là người có đạo công giáo. Ngoài ra, các vấn đề khác ông D đồng ý với ý kiến trình bày của bà V và đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà V.

Về con chung: ông bà có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 11/3/2001; Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 11/10/2002 và Nguyễn Ngọc Khánh C, sinh ngày 15/9/2011. Khi ly hôn, ông D đồng ý giao cho bà V được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu C, tạm thời ông D không cấp dưỡng. Cháu U đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Phan Thị Y V được ly hôn với ông Nguyễn Trung D.

- Về quan hệ con chung: ông D và bà V có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 11/3/2001; Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 11/10/2002 và Nguyễn Ngọc Khánh C, sinh ngày 15/9/2011. Khi ly hôn, giao cho bà V được

chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu C, tạm thời ông D không phải cấp dưỡng. Chị U đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà V và ông D trình bày tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Bà V và ông D trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Phan Thị Y V phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Phan Thị Y V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trung D; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Phan Thị Y V là nguyên đơn còn ông Nguyễn Trung D là bị đơn trong vụ án.

- Theo bản sao y chứng thực sổ hộ khẩu và tại Bản tự khai, đơn xin vắng mặt ngày 12/4/2019, ông Nguyễn Trung D xác định hiện nay ông có đăng ký thường trú tại địa chỉ 328, đường Phạm Văn Thuận, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, đang tạm trú và sinh sống tại địa chỉ số 42A, đường Dương Tử Giang, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 03/6/2019, bà Phan Thị Y V có đơn xin xét xử vắng mặt; Ngày 12/4/2019, ông Nguyễn Trung D cũng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà V và ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông D tự nguyện kết hôn vào năm 1999 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 20/4/1999. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 5, 6, và 7 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tình cảm không còn, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài. Nay bà V xác định tình cảm không còn, bà xin ly hôn với ông Nguyễn Trung D. Xét yêu cầu ly hôn của bà V là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng theo bà V trình bày, ông bà chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã nhiều lần cố gắng hàn gắn

nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài. Ông D không đồng ý ly hôn do ông là người có đạo công giáo. Theo biên bản xác minh ngày 30/5/2019, tại Ủy ban nhân dân phường T thì địa phương không biết về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông D do không trình báo. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc và hòa giải tại Tòa án thì ông D thừa nhận quá trình chung sống, ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn đúng như lời trình bày của bà V, ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho bà V và ông D nhưng không thành. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa bà V và ông D là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Phan Thị Y V được ly hôn với ông Nguyễn Trung D.

[3] Về con chung: Ông D và bà V có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 11/3/2001; Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 11/10/2002 và Nguyễn Ngọc Khánh C, sinh ngày 15/9/2011. Khi ly hôn, bà V và ông D thống nhất giao cho bà V được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu C, tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị U đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà V và ông D trình bày tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà V và ông D trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phan Thị Y V phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 5, 6, và 7 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Áp dụng các Điều 19, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Y V, bà Phan Thị Y V được ly hôn với ông Nguyễn Trung D.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 11/3/2001; Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 11/10/2002 và Nguyễn Ngọc

Khánh C, sinh ngày 15/9/2011. Khi ly hôn, giao cho bà V được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu C, tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị U đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Ông D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà V và ông D trình bày tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Bà V và ông D trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Y V phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004264 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà V đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Phan Thị Y V và ông Nguyễn Trung D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự ;
- Đường sự;
- UBND phường T,
- thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hoàng Phương